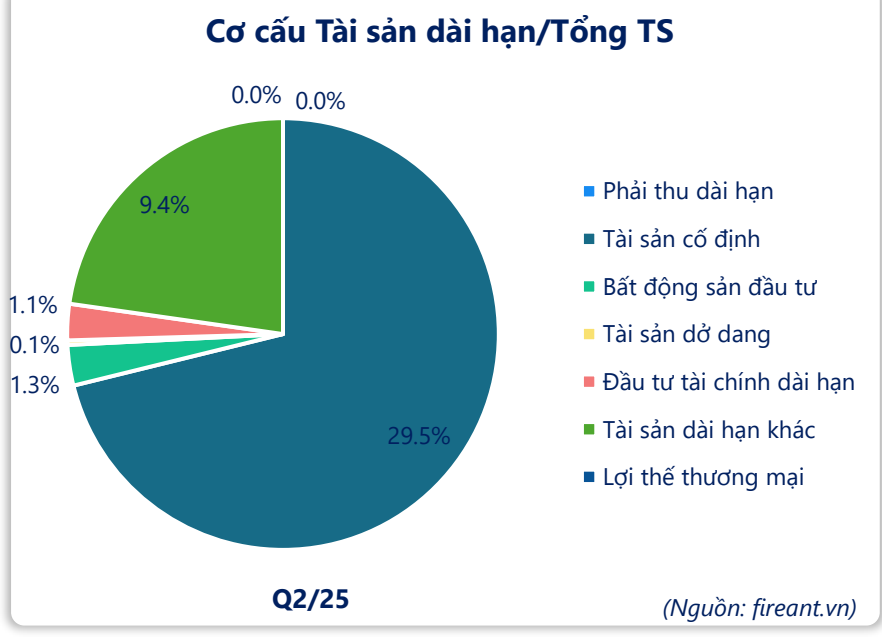
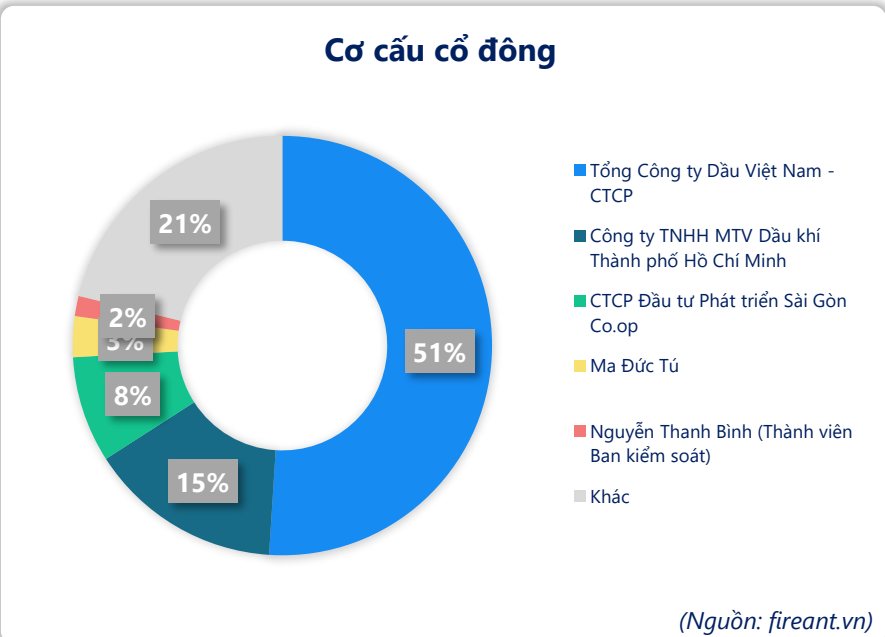
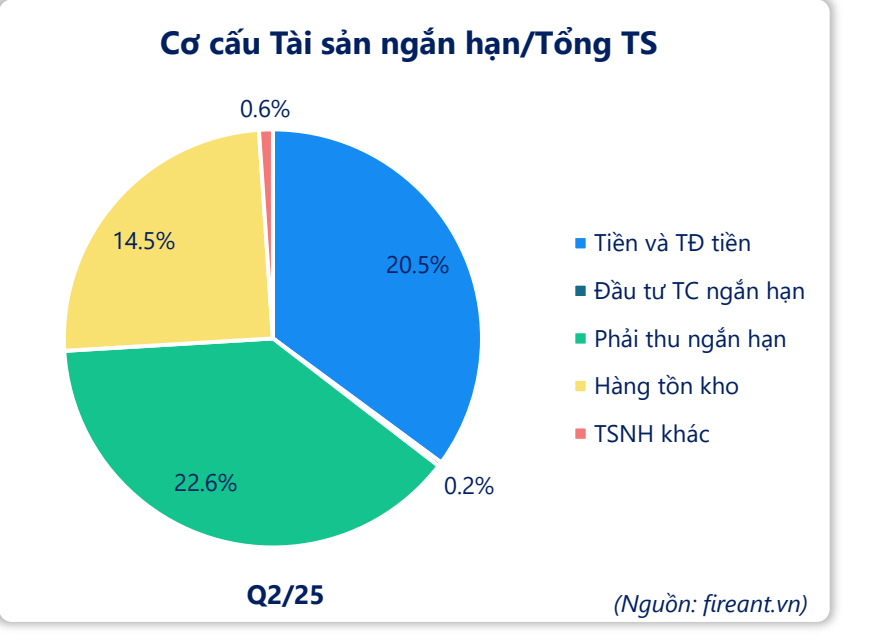
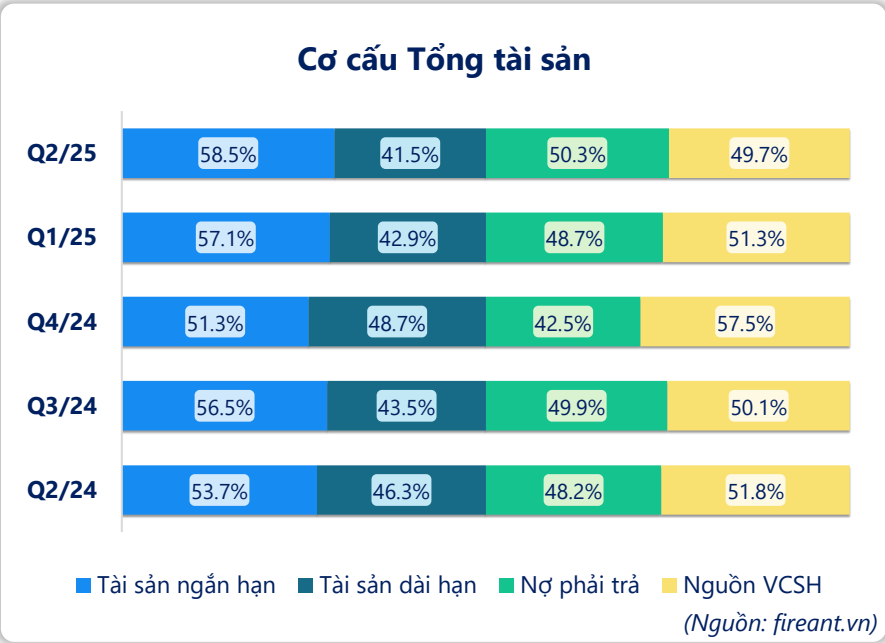
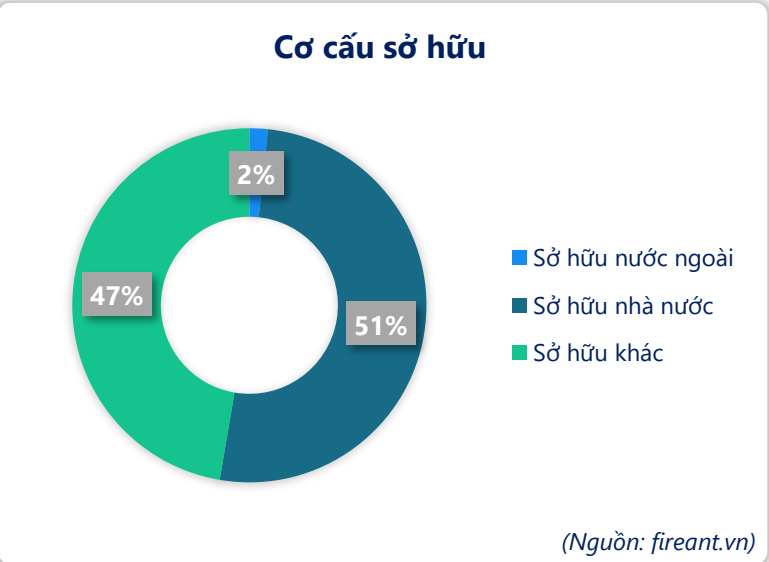
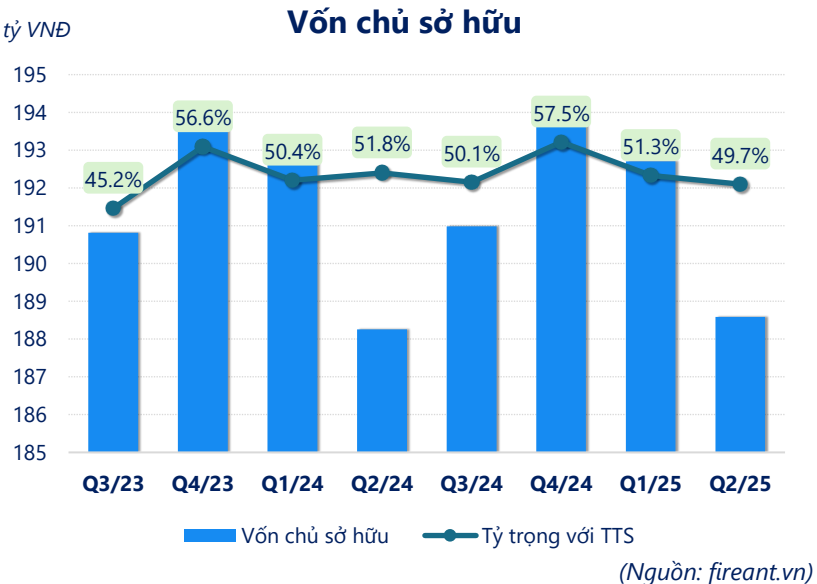
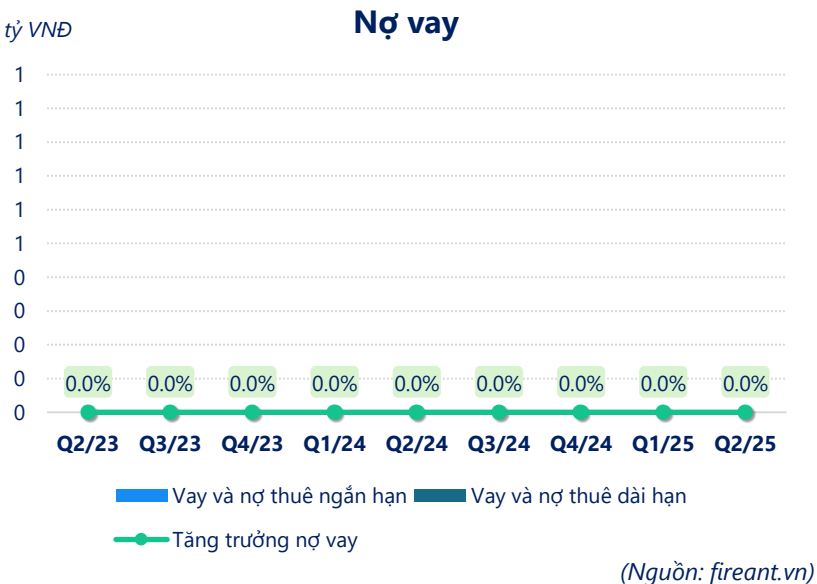
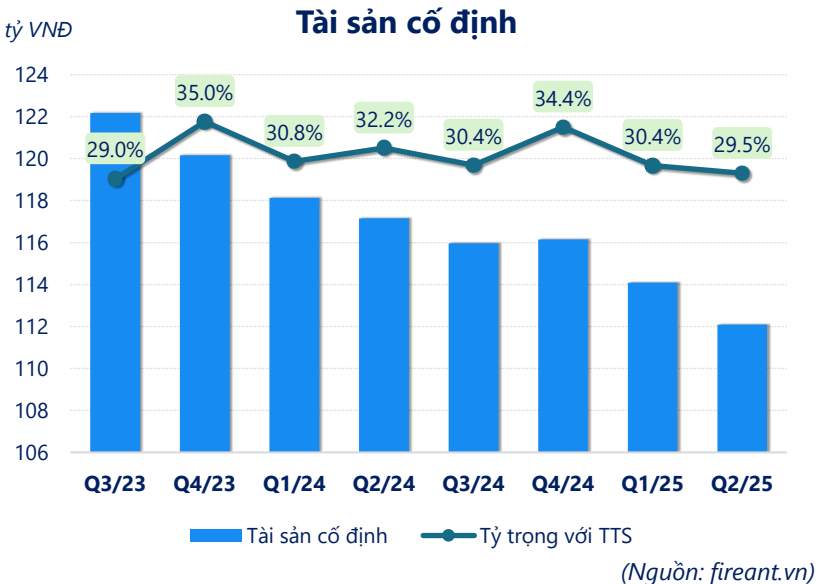
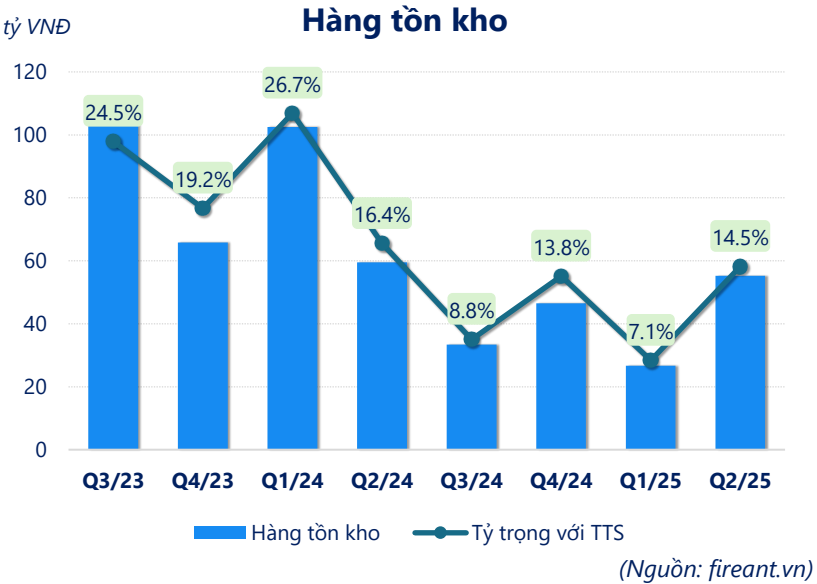
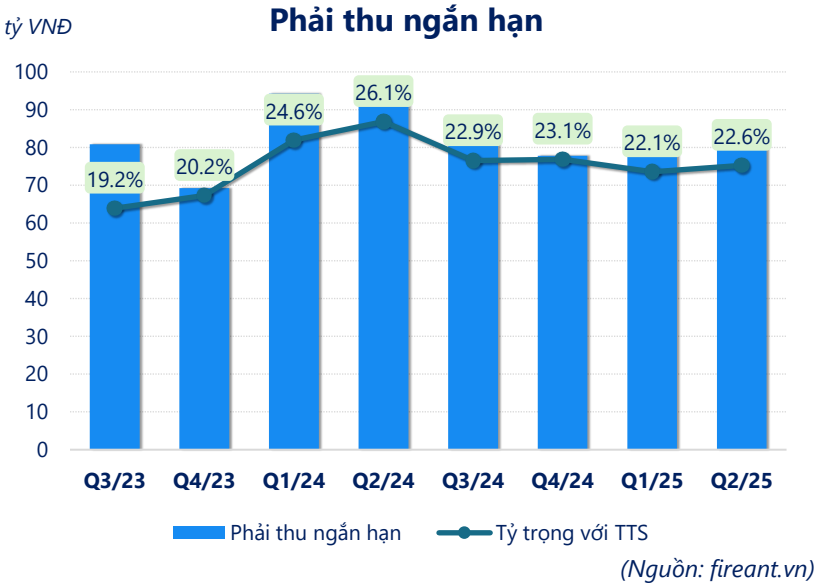
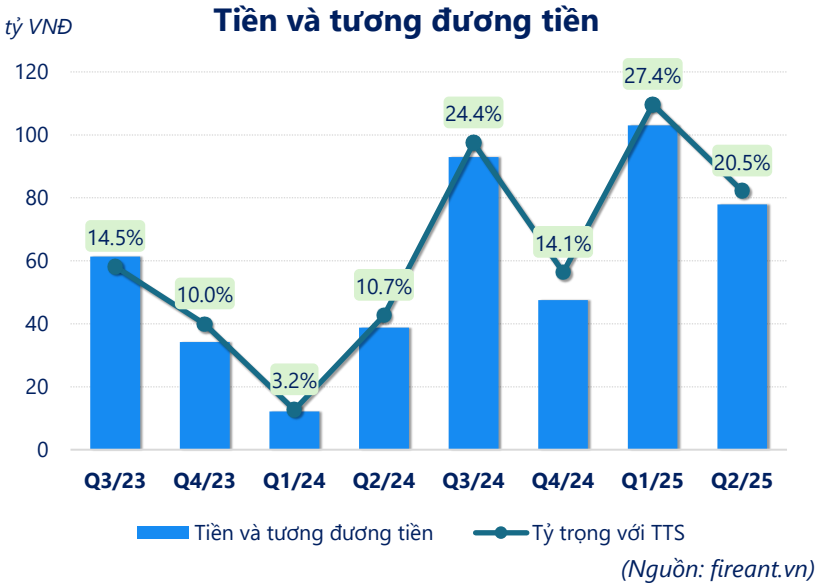
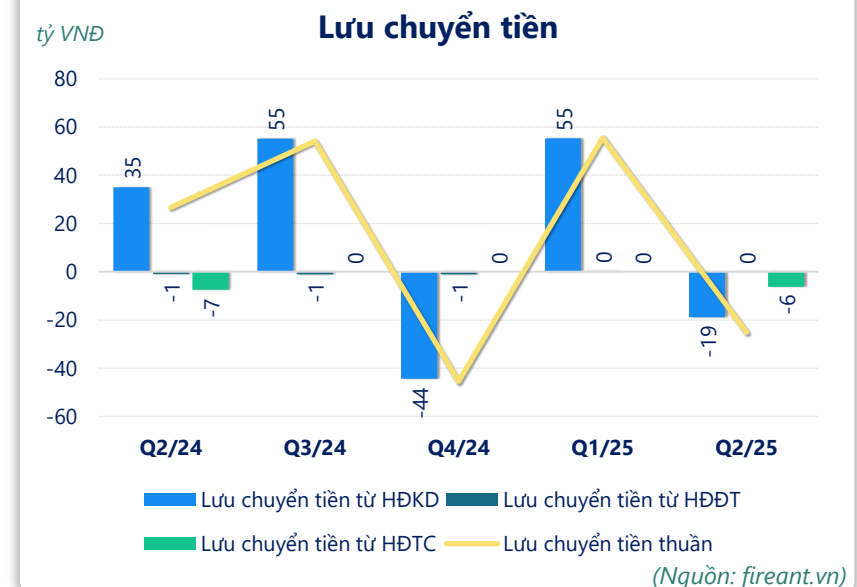
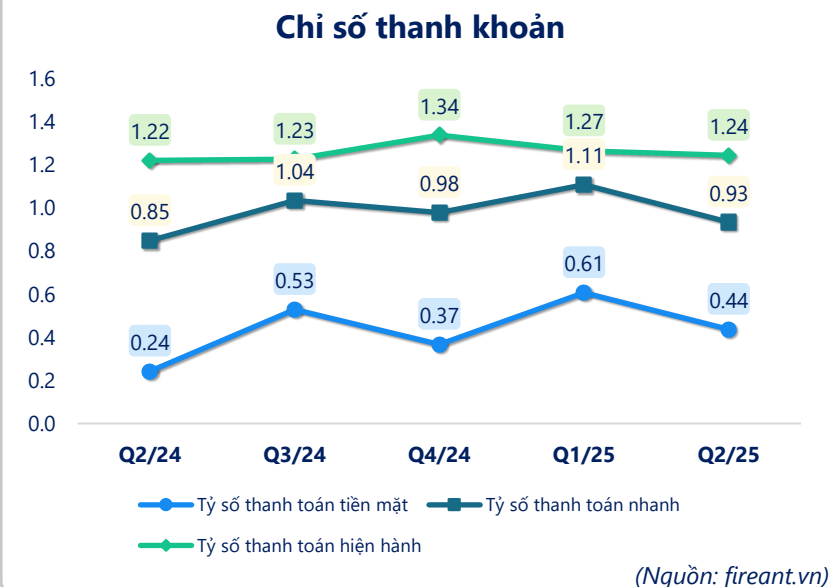
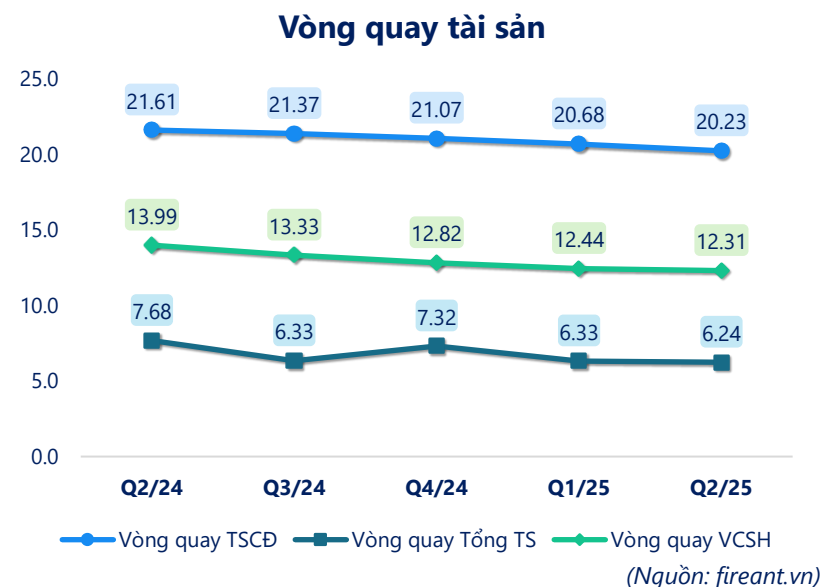
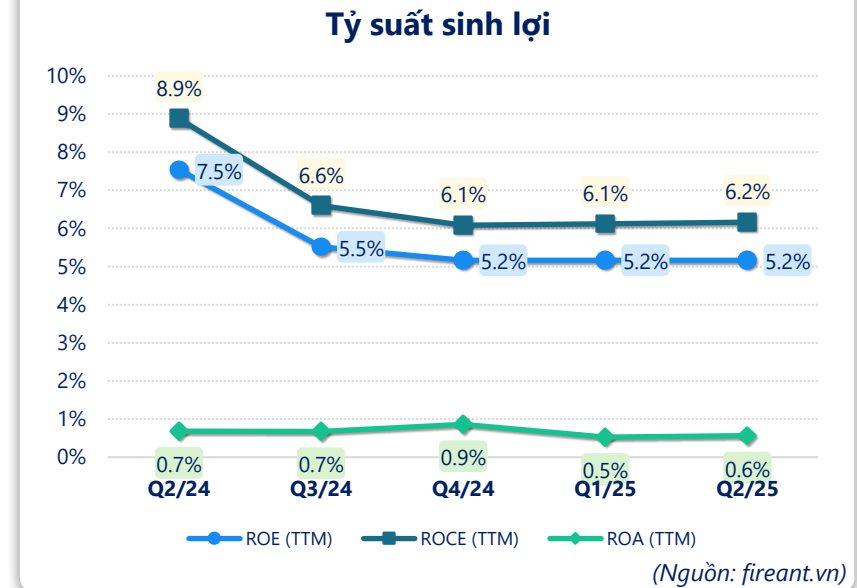
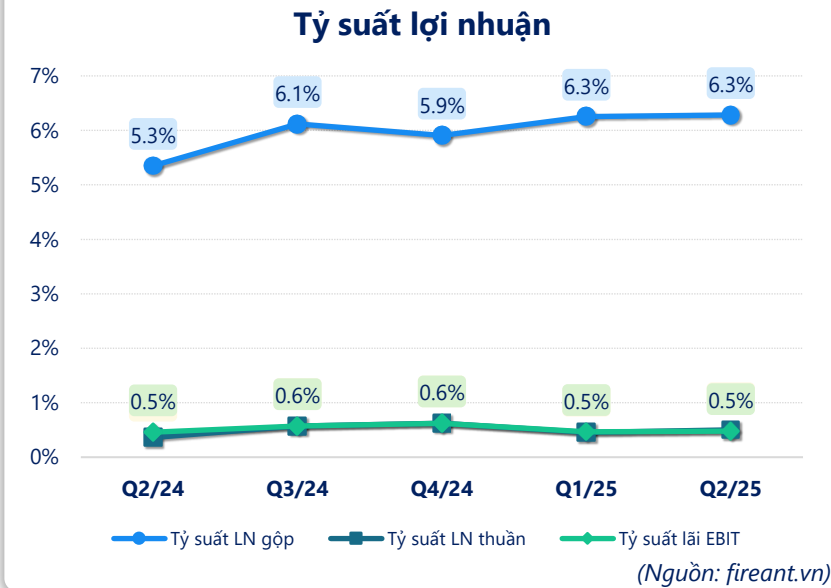
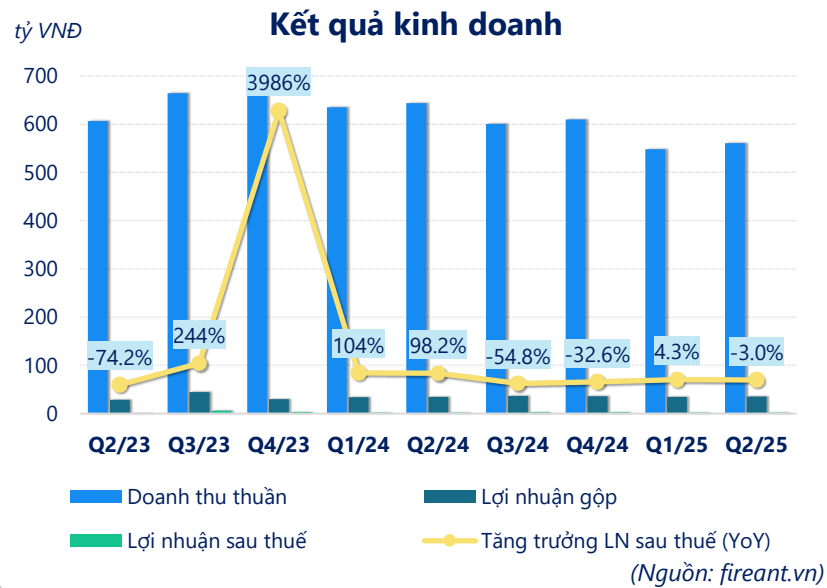


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,116
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,766
SL cổ phiếu LH		12,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		180
% sở hữu nước ngoài		1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		94
P/E		9.7
EPS		785

	YTD	1T	3T	6T
TMC	-7.0%	1.3%	-6.0%	-4.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	379	337	12.5%
Tài sản ngắn hạn	222	173	28.2%
Tiền và tương đương tiền	77.9	47.5	64.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.74	0.75	-0.4%
Phải thu ngắn hạn	85.7	77.8	10.1%
Hàng tồn kho	55.2	46.5	18.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.37	0.52	356%
Tài sản dài hạn	158	164	-4.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	112	116	-3.5%
Bất động sản đầu tư	4.78	5.02	-4.8%
Tài sản dở dang	0.53	0.02	2779%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.28	4.78	-10.5%
Tài sản dài hạn khác	35.8	38.2	-6.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	191	143	33.2%
Nợ ngắn hạn	178	129	37.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	119	84.3	41.8%
Nợ dài hạn	12.5	14.0	-10.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	189	194	-2.7%
Vốn chủ sở hữu	189	194	-2.7%
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	643	601	610	548	561
Giá vốn hàng bán	609	564	574	514	525
Lợi nhuận gộp	34.4	36.7	36.0	34.2	35.2
Doanh thu HĐTC	0.92	1.27	1.40	1.05	1.26
Chi phí TC	1.27	0.01	0.25	0.01	0.51
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	19.6	19.2	24.5	20.6	20.0
Chi phí QLDN	12.1	15.4	8.84	12.2	13.2
LN thuần từ HĐKD	2.32	3.44	3.80	2.48	2.80
Lợi nhuận khác	0.63	-0.01	-0.01	0.07	-0.10
LN trước thuế	2.96	3.43	3.79	2.55	2.70
Lợi nhuận sau thuế	2.33	2.72	2.93	2.00	2.09
LNST của CĐ cty mẹ	2.33	2.72	2.93	2.00	2.09

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	35.1	55.2	-44.3	55.3	-18.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.98	-1.07	-1.12	0.22	0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.44	0	0	0	-6.20
Tiền đầu kỳ	12.1	38.8	92.9	47.5	103
Lưu chuyển tiền thuần	26.6	54.1	-45.4	55.5	-25.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	38.8	92.9	47.5	103	77.9

(Nguồn: fireant.vn)